

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **412** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Cười**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã GT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Hữu T**, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp X, xã GT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp Y, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 10/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Ngọc H** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện G. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị nhiều lần can ngăn và trả nợ thay anh nhưng anh vẫn không sửa đổi mà nhiều lần đập phá đồ đạc trong nhà và hăm dọa chị. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh ngày xx/x/xxxx và **Nguyễn Hoàng Thiên A**, sinh ngày xx/x/xxxx; 02 cháu hiện

sống cùng chị. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con với mức 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới, vợ chồng anh sinh sống và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh vì anh có nhà ở đây. Đến năm 2020, anh bị tai nạn giao thông nên hai vợ chồng bán nhà trên thành phố và về mua đất của anh vợ là anh Trần Hoàng Đ để cất nhà cấp 4 (có gác lửng) sinh sống. Anh bắt đầu chuyển sang đi biển (kiểm tra máy), chị H thì đi làm công nhân trong khu công nghiệp GT. Đến tháng 8/2022, sau khi anh đi biển về nhà thì biết chị H đã gửi 02 con cho hai bên nội ngoại giữ dùm và bỏ nhà đi đến nay, chặn mọi liên lạc với anh nên anh không liên lạc được, trong khi vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn. Hiện anh vẫn đi biển khoảng hơn 3 tháng mới về nhà. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con như chị H trình bày và hiện 02 cháu đang sống cùng ông bà nội, ngoại. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Tú và đồng ý để chị H nuôi cháu Ân; hai vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh có nhà đất tọa lạc Ấp X, xã GT; nguồn gốc do vợ chồng tự mua đất và tự cất nhà, đất mua của anh vợ tên Trần Hoàng Đ và do chị H đứng tên. Do không tự thỏa thuận được nên anh yêu cầu Tòa án chia đôi nhà đất nêu trên và anh yêu cầu nhận giá trị. Ngôi nhà này hiện do anh Đ đang quản lý.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ chung anh của chị H là anh Trần Hoàng Đ số tiền 200.000.000 đồng, mượn để cất nhà khoảng 01 năm nay và ly hôn anh đồng ý chia đôi khoản nợ này.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, nhận thấy: Chị và anh T kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 13/01/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn như nêu trên và anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày xx/x/xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung của chị H là có cơ sở chấp nhận; vì 02 cháu hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt; nghề nghiệp của anh T là đi biển sẽ không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; hơn nữa cháu Tú có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Do đó, việc giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, đối với mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu là không có cơ sở vì chị không chứng minh được thu nhập hiện tại của anh T cũng như chi phí nuôi dưỡng, học tập và các khoản phí sinh hoạt khác của 02 cháu nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (tại thời điểm xét xử là 900.000 đồng/tháng/người con). Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều xác định có tài sản chung và nợ chung như trình bày trên. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; các chủ nợ gồm: bà Nguyễn Thị Ngọc N, chị Trần Thị Ngọc D và anh Trần Hoàng Đ không khởi kiện yêu cầu anh T và chị H trả nợ trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận và xin không tham gia tố tụng. Anh T có nộp đơn phản tố đề ngày 15/6/2023 yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; tuy nhiên do anh không nộp tạm ứng án phí theo Thông báo số 455/TB-TA ngày 15/6/2023 của Tòa án nên Tòa án đã thông báo trả lại đơn phản tố cho anh T nên nay Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng (hiện tương đương 900.000 đồng/tháng/người con), thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028*** ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

